

Hà Nội, ngày tháng năm 2013

## PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2013

### I. Các căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2010;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH 11 và luật số 62/2010/QH12 sửa đổi bổ sung một số điều của luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 130/2012/TT-BTC ngày 10/08/2012 Hướng dẫn việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và một số trường hợp phát hành thêm cổ phiếu của công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng;

### II. Nhu cầu, sự cần thiết để quyết định thay đổi mức vốn điều lệ:

Kết thúc năm 2012, VPBank đạt lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 634,3 tỷ đồng, tổng tài sản là 82.818 tỷ đồng và vốn điều lệ đạt 5.770 tỷ đồng. Theo kế hoạch kinh doanh năm 2013 trình ĐHCĐ thì tổng tài sản sẽ tăng lên thành 120.000 tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2012, lợi nhuận hợp nhất là 1.010 tỷ đồng tăng 30% so với năm 2012.

Để nâng cao năng lực hoạt động nhằm thực hiện kế hoạch tăng trưởng trong năm 2013, đồng thời để tuân thủ các quy định về tỷ lệ an toàn hoạt động, nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh của Ngân hàng, thì việc tăng vốn với một tỷ lệ tương đương với tốc độ tăng trưởng lợi nhuận và tổng tài sản là hết sức cần thiết.

### III. Dự kiến kế hoạch hoạt động kinh doanh và khả năng quản trị, điều hành sau khi tăng vốn điều lệ:

#### 1. Hiệu quả kinh doanh dự kiến sau khi thay đổi mức vốn điều lệ.

Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2013, VPBank dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch như sau:

*Đơn vị: tỷ đồng*

| Chỉ tiêu                         | Năm 2012 | Kế hoạch năm 2013 | Tăng trưởng  |                       |
|----------------------------------|----------|-------------------|--------------|-----------------------|
|                                  |          |                   | Số tuyệt đối | Tỷ lệ tăng trưởng (%) |
| <b>1. Các chỉ tiêu hoạt động</b> |          |                   |              |                       |
| 1.1 Vốn chủ sở hữu               | 6,637    | 7,117             | 480          | 7.23%                 |
| 1.2 Vốn điều lệ                  | 5,770    | 6,410             | 640          | 11.09%                |
| 1.3 Tổng tài sản                 | 102,576  | 120,000           | 17,424       | 16.99%                |
| 1.4 Cho vay khách hàng           | 36,903   | 47,974            | 11,071       | 30.00%                |
| 1.5 Huy động từ khách hàng       | 59,514   | 81,230            | 21,716       | 36.49%                |

|   |         |  |       |        |
|---|---------|--|-------|--------|
| 1.6 Lợi nhuận trước thuế  | 852     | 1,110  | 258   | 30.28% |
| 1.7 Lợi nhuận sau thuế  | 643     | 832  | 189   | 29.39% |
| 1.8 Tỷ suất LNST trên Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)                                    | 11%     | 12%  | 1.00% | 9.09%  |
| 1.9 Tỷ suất LNST trên tổng tài sản bình quân (ROA)                                      | 0,6%    | > 1%   |       |        |
| 1.10 Tỷ lệ nợ xấu   | 2,72%   | <3%  |       |        |
| <b>2. Các tỷ lệ an toàn hoạt động</b>   |         |  |       |        |
| 2.1 Tỷ lệ an toàn vốn   |         |  |       |        |
| - Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ  | 12.07%  | >9%  |       |        |
| - Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất  | 12.42%  | >9%  |       |        |
| 2.2 Giới hạn tín dụng đối với khách hàng  |         |  |       |        |
| - Tổng dư nợ cho vay đối với một khách hàng/Vốn tự có                                   | < 15%   | < 15%  |       |        |
| - Tổng dư nợ cho vay và bảo lãnh đối với một khách hàng và người có liên quan/Vốn tự có | < 25%   | < 25%  |       |        |
| 2.3 Tỷ lệ khả năng chi trả  |         |  |       |        |
| - Tỷ lệ khả năng chi trả cho ngày hôm sau   | 28.66%  | > 0,15   |       |        |
| - Tỷ lệ khả năng chi trả trong 7 ngày sau   | 124.92% | Đảm bảo khả năng chi trả > 1 cho tất cả các loại đồng tiền |       |        |
| 2.4 Tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động  |         |  |       |        |
|   | 58.55%  | <80%   |       |        |
| 2.5 Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn                           |         |  |       |        |
|   | 15.19%  | < 30%  |       |        |
| 2.6 Giới hạn góp vốn, mua cổ phần   |         |  |       |        |
| - Tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần tối đa trong 1 đơn vị/tổng vốn điều lệ của đơn vị đó       | < 11%   | < 11%  |       |        |
| - Tổng mức góp vốn, mua cổ phần/Vốn điều lệ và quỹ dự trữ của VPBank                    | 16.36%  | < 40%  |       |        |

Để đạt được kế hoạch nêu trên, chiến lược của VPBank năm 2013 là sẽ tiếp tục nâng cao hiệu quả và chất lượng đội ngũ bán hàng, cải thiện mô hình quản lý, tăng cường bán chéo sản phẩm dịch vụ, thực hiện cá biệt hóa mạnh mẽ trong chính sách khách hàng và sản phẩm đối với từng phân nhóm khách hàng riêng biệt, phát triển theo cơ cấu mô hình khối kinh doanh.

## **2. Khả năng quản trị, năng lực quản quản lý, giám sát của Ngân hàng với quy mô Vốn điều lệ mới.**

Năm 2012, HĐQT đã phối hợp cùng IFC để thực hiện dự án Báo cáo quản trị Ngân hàng và đề ra các kế hoạch nâng cao năng lực quản trị Ngân hàng. Năm 2013, HĐQT sẽ bổ sung thêm thành viên và nhân sự cho các Hội đồng, ủy ban trực thuộc và tổ chức triển khai các kế hoạch theo Báo cáo này.

Kiểm soát là một việc rất quan trọng nhất là trong tình hình khó khăn như hiện nay, vai trò của hệ thống kiểm tra giám sát lại càng quan trọng hơn. Kiểm tra, giám sát trước các hoạt động thể hiện trong hệ thống quy trình, quy chế và phân quyền trong Ngân hàng. Các bộ phận Kiểm toán nội bộ, Pháp chế và quản trị rủi ro đã được cơ cấu lại để đảm bảo các mục tiêu này. Bộ phận Kiểm toán nội bộ cũng đã xây dựng được các bộ phận chuyên môn như phòng giám sát tuân thủ quy trình quy chế, phòng giám sát từ xa, phòng kiểm toán tuân thủ...để thực hiện các chức năng nhiệm vụ một cách hiệu quả hơn.

#### **IV. Kế hoạch tăng vốn điều lệ:**

##### **1. Một số định nghĩa**

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/1 cổ phần
- Phần nguyên: là phần vốn cổ phần mỗi cổ đông được phân phối chia hết cho 10.000 đồng
- Phần dư: là phần vốn cổ phần mỗi cổ đông được phân phối nhỏ hơn 10.000 đồng phát sinh trong quá trình phân phối cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ số vốn cổ phần sở hữu trên tổng Vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm phân phối.
- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm: Ngân hàng Nhà nước, Ủy Ban chứng khoán và Sở KH & ĐT Tp Hà Nội
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là quỹ chỉ dùng để bổ sung vốn điều lệ cho Ngân hàng.

##### **2. Mức tăng vốn Điều lệ**

- Vốn điều lệ hiện tại: 5.770.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 577.410.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 6.347.410.000.000 đồng
- Các nguồn dùng để tăng vốn: Lợi nhuận để lại năm 2012 và quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ.

##### **3. Lộ trình tăng vốn điều lệ năm 2013**

Việc tăng vốn điều lệ năm 2013 sẽ được thực hiện thành 01 đợt cụ thể như sau:

- Đối tượng tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần VPBANK tại thời điểm chốt danh sách cổ đông
- Tổng số vốn điều lệ tăng thêm: 577.410.000.000 đồng
- Tổng số cổ phần tăng thêm: 57.741.000 cổ phần.
- Hình thức tăng vốn: chia cổ tức bằng cổ phiếu và chia cổ phiếu thưởng
- Nguồn dùng để tăng vốn: Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận năm 2012 còn lại chưa phân phối hết là 549.884.000.000 đồng và chia cổ phiếu thưởng từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 27.526.000.000 đồng.
- Tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn là 9,53% và chia cổ phiếu thưởng 0,47% trên vốn điều lệ 5.770 tỷ đồng Tổng tỷ lệ cổ phần tăng thêm là 10%.
- Thời điểm: dự kiến hoàn thành trong năm 2013, tùy theo chấp thuận của cơ quan chức năng.
- Phương thức thực hiện:

VPBank phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản và thực hiện Báo cáo UBCKNN trước khi thực hiện việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và chia cổ phiếu thưởng.

Sau khi hoàn thành các thủ tục với cơ quan chức năng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ quyết định và thông báo thời điểm chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức bằng cổ phiếu. Sau khi chốt danh sách, Văn phòng Hội đồng Quản trị sẽ phân bổ số cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ số cổ phần tăng thêm trên tổng số cổ phần của Ngân hàng cho các cổ đông theo nguyên tắc chỉ lấy phần nguyên, phần dư (cổ phiếu lẻ) sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định phân phối lại, kể cả

phương án phân phối hết vào quỹ thu hút nhân tài của Ngân hàng để tăng Vốn điều lệ lên chuẩn 6.347.410.000.000 đồng.

#### 4. Các nội dung ủy quyền cho HĐQT

Để thuận tiện cho quá trình thực hiện, Đại hội đồng cổ đông VPBank đã ủy quyền cho HĐQT quyết định một số vấn đề sau

- Quyết định phương thức thực hiện, tăng một đợt hoặc chia thành các đợt tăng vốn;
- Quyết định các thời điểm chốt danh sách để thực hiện việc tăng vốn và thông báo cho cổ đông 15 ngày trước ngày chốt danh sách bằng cách đăng trên trang web của ngân hàng và qua một số phương tiện truyền thông khác về việc chốt danh sách và phương thức thực hiện sau khi chốt danh sách;
- Quyết định phân phối lại phần dư không phân phối hết, kể cả phương án phân phối hết phần dư này vào Quỹ thu hút nhân tài của Ngân hàng, để tăng Vốn điều lệ lên chuẩn 6.347.410 triệu đồng;
- Quyết định phương án xử lý phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo quyền lợi của cổ đông trong trường hợp VPBANK chưa thực hiện xong việc tăng vốn điều lệ trong năm 2013;
- Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị toàn quyền bổ sung, chỉnh sửa từ ngữ của nội dung phương án tăng vốn này và hoàn thiện các hồ sơ cần thiết khác theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước theo các quy định của pháp luật khi làm thủ tục tăng vốn điều lệ.

#### 5. Dự kiến thay đổi cơ cấu sở hữu của cổ đông lớn, cổ đông là thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc trước và sau khi tăng vốn:

Cơ cấu sở hữu của các cổ đông lớn, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc của VPBank trước và sau khi tăng vốn lên thành 6.347 tỷ đồng như sau:

| STT        | Tên cổ đông                             | Trước khi tăng vốn      |                       | Sau khi tăng vốn lên 5.770 tỷ đồng. |                       |
|------------|---|-------------------------|-----------------------|-------------------------------------|-----------------------|
|            |   | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu trên VDL | Số lượng cổ phần sở hữu             | Tỷ lệ sở hữu trên VDL |
| <b>I</b>   | <b>Thành viên HĐQT</b>                  | <b>35.626.006</b>       | <b>6,17%</b>          | <b>39.191.138</b>                   | <b>6,17%</b>          |
| 1          | Ngô Chí Dũng                            | 25.872.404              | 4,48%                 | 28.461.483                          | 4,48%                 |
| 2          | Bùi Hải Quân                            | 8.936.112               | 1,55%                 | 9.830.358                           | 1,55%                 |
| 3          | Lô Bằng Giang                           | 817.490                 | 0,14%                 | 899.297                             | 0,14%                 |
| 5          | Phùng Khắc Kế                           | 0                       | 0,00%                 | 0                                   | 0,00%                 |
| <b>II</b>  | <b>Thành viên Ban kiểm soát</b>         | <b>51.070.037</b>       | <b>8,85%</b>          | <b>56.180.670</b>                   | <b>8,85%</b>          |
| 1          | Nguyễn Quỳnh Anh                        | 22.720.843              | 3,94%                 | 24.994.542                          | 3,94%                 |
| 2          | Trịnh Thị Thanh Hằng                    | 0                       | 0,00%                 | 0                                   | 0,00%                 |
| 3          | Nguyễn Thị Mai Trinh                    | 28.349.194              | 4,91%                 | 31.186.128                          | 4,91%                 |
| <b>III</b> | <b>Tổng Giám đốc</b>                    | <b>0</b>                | <b>0,00%</b>          | <b>0</b>                            | <b>0,00%</b>          |
| 1          | Nguyễn Đức Vinh                         | 0                       | 0,00%                 | 0                                   | 0,00%                 |
| <b>II</b>  | <b>Cổ đông lớn</b>                      | <b>85.830.457</b>       | <b>14,88%</b>         | <b>94.419.602</b>                   | <b>14,88%</b>         |
| 1          | Oversea Chinese Banking Corporation Ltd | 85.830.457              | 14,88%                | 94.419.602                          | 14,88%                |

Vì số cổ phần tăng thêm được chia đều cho các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần sở hữu nên nếu các cổ đông không nhận chuyển nhượng/chuyển nhượng thì tỷ lệ cổ phần sở hữu không thay đổi.

#### V. Phương án sử dụng vốn.

Nhu cầu vốn cho một số hoạt động của VPBANK được thể hiện trong bảng dưới đây

| TT | Mục đích sử dụng   | Sử dụng tiền vốn điều lệ tăng thêm (tỷ đồng) |
|----|--|--|
| 1  | Bổ sung nguồn vốn mở rộng hoạt động kinh doanh                       | 456,6  |
| 3  | Đầu tư vào tài sản cố định, xây dựng cơ bản và phát triển mạng lưới. | 105,5  |
| 4  | Đầu tư cho hệ thống tin học  | 15,3   |
|    | <b>Tổng cộng</b>   | <b>577,4</b>                                 |

Trong tổng số vốn điều lệ tăng thêm VPBANK dự kiến Đầu tư cho Hệ thống tin học chủ yếu là đầu tư phát triển các ứng dụng và giải pháp mới cho các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; bảo trì, nâng cấp các hệ thống hiện tại; đào tạo, tư vấn; chi phí bản quyền... đều là các chi phí bắt buộc để nâng cao chất lượng công nghệ của ngân hàng. Tổng chi phí đầu tư cho CNTT có ảnh hưởng tới chi phí năm 2013 của ngân hàng dự kiến là 15,3 tỷ.

Ngoài ra, theo kế hoạch phát triển mạng lưới năm nay sẽ tập trung vào việc sửa chữa, cải tạo liên quan tới thay đổi lay out mới, mua sắm trang thiết bị cho các điểm giao dịch mới thành lập và phát triển thêm ATM với tổng ngân sách tính vào chi phí năm 2013 là khoảng 105,5 tỷ.

Phần còn lại dành để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, nghiên cứu phát triển sản phẩm, tăng cường các hoạt động bán hàng, marketing và phát triển dịch vụ khách hàng ...

#### VI. Tính khả thi của phương án tăng vốn

Việc tăng vốn điều lệ năm 2013 bằng cách chia cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng từ nguồn lợi nhuận để lại, thặng dư vốn cổ phần và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là hoàn toàn khả thi vì: đối với ngân hàng phương án này có ưu điểm giúp cải thiện các chỉ số của VPBank, nâng cao năng lực tài chính và hiệu quả sử dụng vốn; đối với các cổ đông của ngân hàng việc chia thêm cổ phiếu với tỷ lệ cao sẽ làm tăng số lượng cổ phần sở hữu và giúp tăng giá trị khoản đầu tư, giảm áp lực góp thêm vốn so với phương án chào bán thêm cổ phần.

**TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Ngô Chí Dũng**